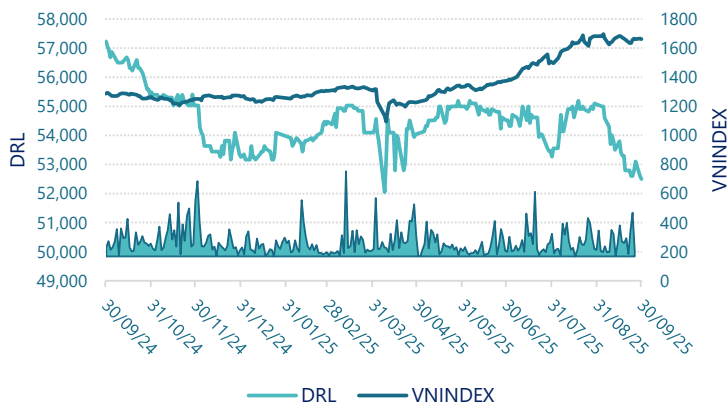




CTCP Thủy điện - Điện lực 3 (HSX: DRL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	52,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	57,230
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	52,044
SL cổ phiếu LH	9,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,095
% sở hữu nước ngoài	2.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	499
P/E	10.4
EPS	5,034

DT thuần

Q3/25

21.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.30 | -20.1%

YoY: ▲ 1.20 | 6.0%

LN sau thuế

Q3/25

7.89

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.71 | -42.0%

YoY: ▼0.94 | -10.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

46.8%

+/- YoY: ▼ 8.8%

DT thuần

9T 2025

70.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 10.3 | 17.1%

LN sau thuế

9T 2025

33.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.10 | 10.3%

ROE

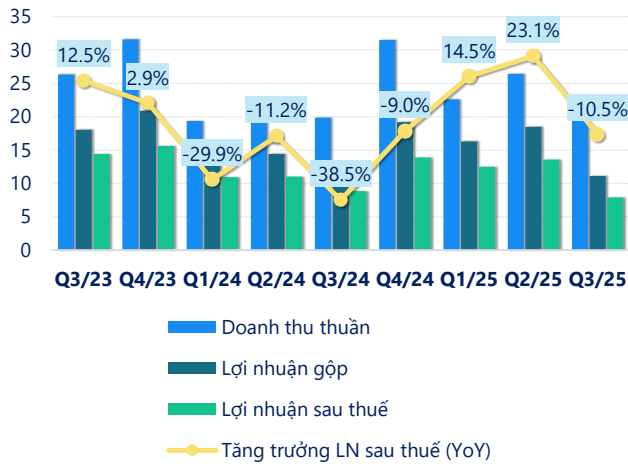
Q3/25

43.9%

+/- YoY: ▲ 3.9%

tỷ VNĐ

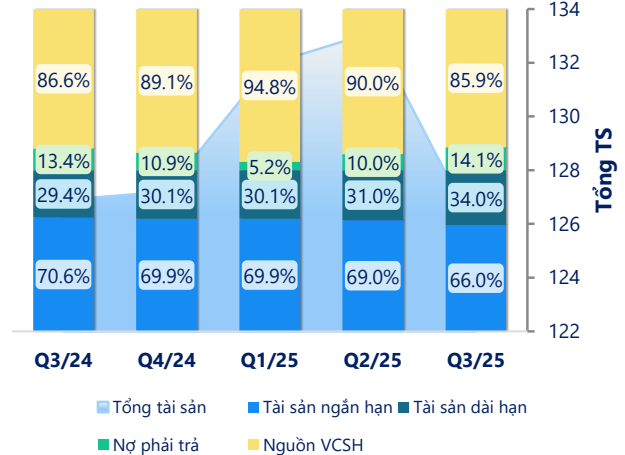
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

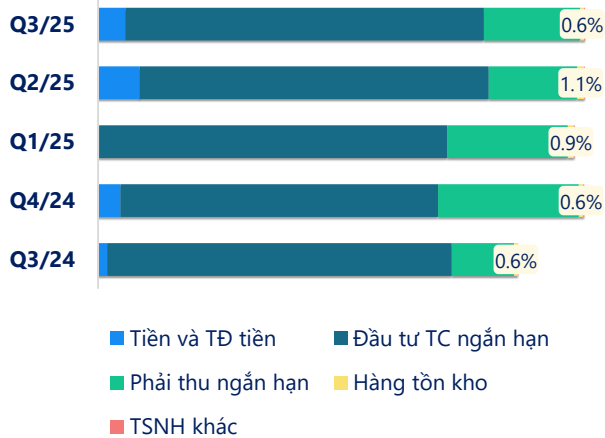
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



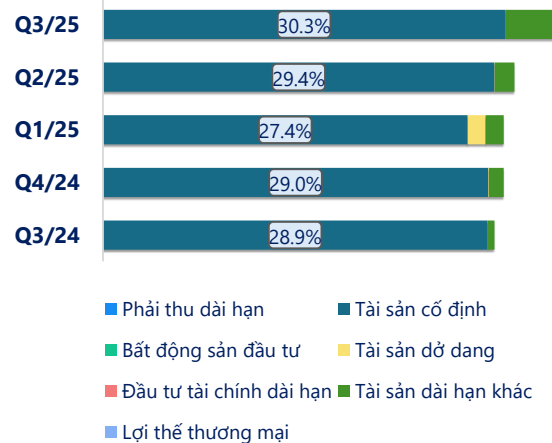
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

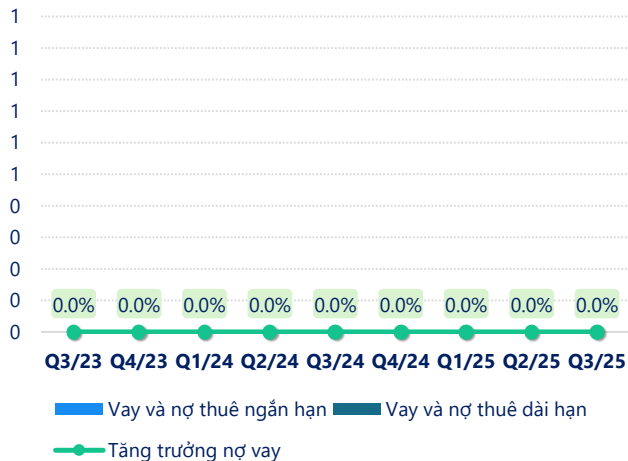
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

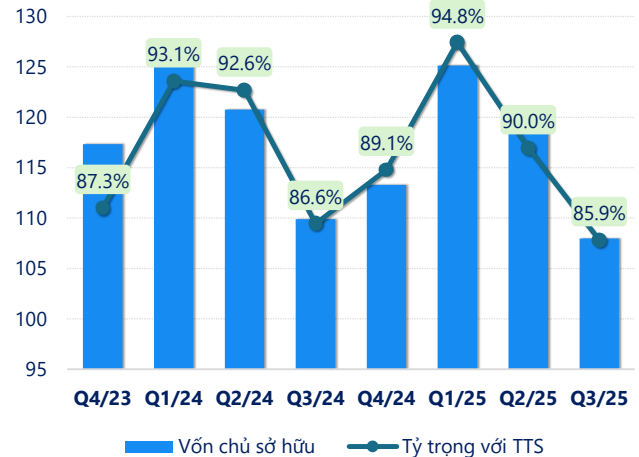
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



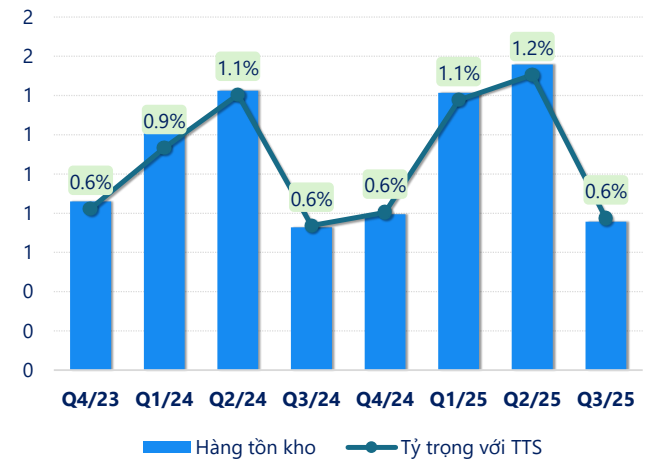
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

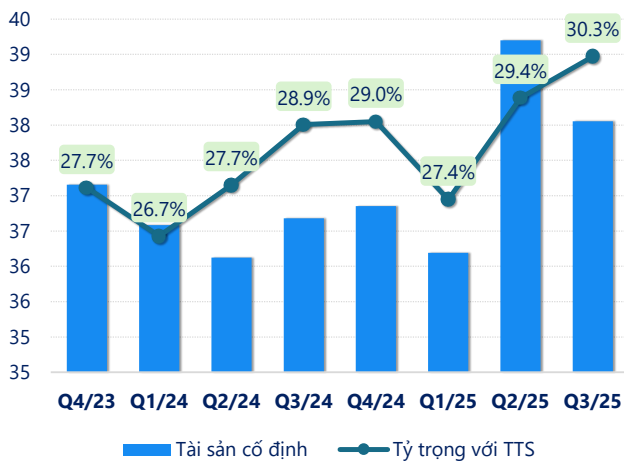

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


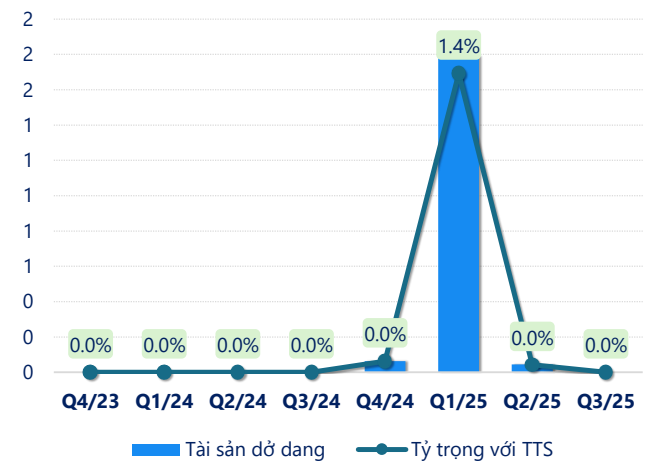
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

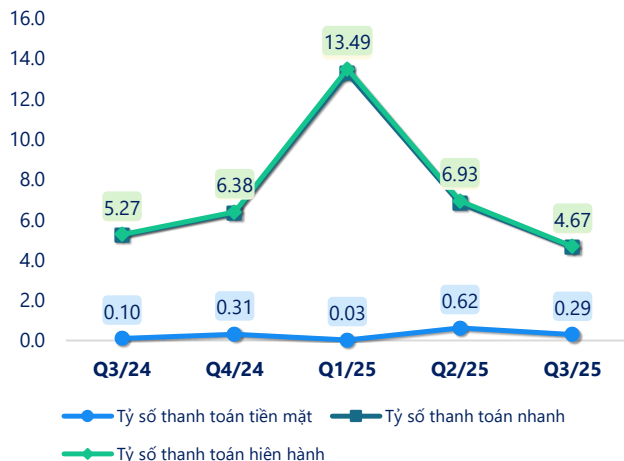
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

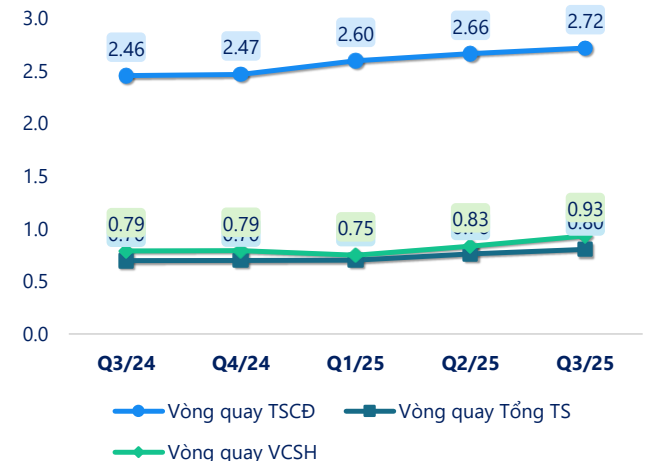
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	127	127	132	133	126
Tài sản ngắn hạn	89.5	88.9	92.2	91.9	83.0
Tiền và tương đương tiền	1.73	4.28	0.18	8.29	5.13
Đầu tư tài chính ngắn hạn	68.5	69.6	73.7	58.7	58.7
Phải thu ngắn hạn	18.4	13.8	16.6	23.1	18.0
Hàng tồn kho	0.73	0.80	1.41	1.56	0.76
Tài sản ngắn hạn khác	0.17	0.40	0.34	0.32	0.41
Tài sản dài hạn	37.4	38.3	39.8	41.2	42.8
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	36.7	36.9	36.2	39.2	38.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0.06	1.79	0.05	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.68	1.42	1.80	1.96	4.70
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	17.0	13.9	6.83	13.3	17.8
Nợ ngắn hạn	17.0	13.9	6.83	13.3	17.8
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	0.02	0.07	0.06	1.52	0.08
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	110	113	125	120	108
Vốn chủ sở hữu	110	113	125	120	108
Vốn điều lệ	95.0	95.0	95.0	95.0	95.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)